TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **THÀNH PHỐ N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 109/2019/QĐST- HNGĐ	*G, ngày 24 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị DTMH- sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn H- xã D - huyện G- Thành phố N.

Bị đơn: Anh TMH- sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn H- xã D - huyện G- Thành phố N.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81,82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự, thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị DTMH và anh TMH.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị DTMH và anh TMH có 03 con chung là cháu TBC- sinh ngày 30/8/2009, cháu TMK- sinh ngày 19/02/2011 và cháu TBT- sinh ngày 12/8/2015. Chị Hòa được nuôi cháu TMK và cháu TBC. Anh H được nuôi cháu TBC. Không ai phải

đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ai cho đến khi cháu TBC, cháu TMK, cháu TBT đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về việc chia tài sản chung: Chị DTMH và anh TMH không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

Về án phí: Chị DTMH tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí sơ dân sự sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 4191 ngày 25 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nay được hoàn trả lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Đã ký tên và đóng dấu